

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc hỗ trợ: Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lặp, không để lợi dụng, trục lợi chính sách; mỗi người chỉ được hỗ trợ 01 lần trong một chính sách hỗ trợ; không hỗ trợ cho đối tượng tự nguyện không tham gia.

2. Tiêu chí, đối tượng, thời gian hỗ trợ

2.1. Tiêu chí hỗ trợ

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Lai Châu, đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phải tạm dừng hoạt động, mất việc làm không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức 1.000.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị (theo Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

b) Trong khu vực bị phong tỏa hoặc thuộc lĩnh vực phải tạm dừng hoạt động theo văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống bệnh dịch COVID-19 từ 15 ngày liên tục trở lên.

2.2. Đối tượng hỗ trợ: Người lao động làm một trong những công việc sau:

a) Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;

b) Thu gom rác, phế liệu;

c) Bốc vác, xe ôm, vận chuyển hàng hóa bằng xe hai bánh, xe thô sơ;

d) Đánh giày, lao động giúp việc gia đình, trông trẻ thuê tại nhà;

e) Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực: Ăn, uống, lưu trú, du lịch; chăm sóc sức khỏe (xông hơi, massage, xoa bóp, bấm huyệt); làm đẹp (cắt tóc, gội đầu, nail); dịch vụ (karaoke, spa, internet, trò chơi điện tử; bi-a, phòng tập gym, thể dục thể thao, yoga);

f) Lao động tự làm hoặc làm việc các nhóm nghề: Mộc, xây dựng, sơn, đúc bê tông, nhôm kính, cơ khí, gò hàn, sửa chữa (xe đạp, xe đạp điện, xe máy, ô tô, đồng hồ, đồ điện tử, điện lạnh), thợ điện, nước, chế biến chè gia đình, sản xuất miến dong;

g) Lao động tự làm hoặc làm thuê theo nhóm các nghề tự do khác có đặc điểm, tính chất tương tự như những nhóm nghề theo quy định tại tiết a, b, c, d, e, f điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định này.

2.3. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021.

3. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

a) Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/lần.

b) Phương thức chi trả: Trả 01 lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho người lao động.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thời gian tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị theo biểu Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp người lao động phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú không trong phạm vi một xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu, nếu đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú hoặc tạm trú hồ sơ đề nghị của người lao động theo biểu Mẫu số 01 và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định này về việc xác nhận chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.

b) Trong 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị của người lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, thống kê và lập danh sách người lao động đề nghị hưởng hỗ trợ thông qua Hội đồng xét duyệt gồm: Lãnh đạo xã, cán bộ phụ trách kinh tế, cán bộ phụ trách lao động, công an khu vực, trưởng bản/tổ trưởng tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Mặt trận tổ quốc); tổng hợp danh sách người lao động đủ điều

kiện hưởng hỗ trợ theo Mẫu số 03 kèm theo Quyết định này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị của UBND cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 10/01/2022.

5. Đơn vị chi trả: UBND cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ trong vòng 03 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ; đồng thời niêm yết, công khai danh sách người lao động được hỗ trợ và thông báo của UBND cấp huyện đối với những trường hợp không được hưởng chính sách hỗ trợ.

6. Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND các huyện, thành phố.

7. Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ngành, đơn vị có liên quan.

8. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ, ngày 20 hằng tháng, UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính) để tổng hợp.

b) Ngày 23 hằng tháng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp kết quả triển khai, thực hiện hỗ trợ và báo cáo UBND tỉnh.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ (B/c);
- Thủ tướng Chính phủ (B/c);
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Lao động – TBXH (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh: U;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT, VX3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải